

Bản án số: 440/2026/HS-ST
Ngày 26-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Hoàng Thuận;
2. Bà Phạm Thị Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Tấn Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại Phân trại tạm giam Lái Thiêu, thuộc Trại tạm giam Bó Lá - Công an Thành phố Hồ Chí Minh xét xử trực tuyến sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 439/2026/TLST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 524/2026/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1980, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thường trú: Số 189/9C khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Lê Thị T1 (đã chết); bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: không.

* Nhân thân: Ngày 25/9/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án Nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt án treo 25/9/2021, đã đóng 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 13961 ngày 14/12/2017 của Chi cục THADS thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (đã xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/3/2026 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Ông Đặng Minh T2, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 105 đường Đ,

khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Phúc H, sinh năm 1984; thường trú: Số 1118/19B khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Số 26 Đ, khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

2/ Ông Trần Văn T3, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 1186/12B, khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

3/ Ông Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 610/7 đường Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

4/ Bà Phạm Thị Thu T4, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 610/7 đường Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 13/02/2026, T đi bộ đến khu vực Khu phố Đông Thành, phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi Tân đi ngang qua nhà của ông Đặng Minh T2, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 105, đường Đ, khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh thì nghe chim hót, T nhìn vào nhà ông T2 thấy có treo nhiều lồng chim. Khoảng 02 giờ ngày 14/02/2026, T quay lại nhà ông T2 rồi trèo qua cửa cổng đột nhập vào trong nhà, T dùng tay lấy 01 lồng chim bằng gỗ cao khoảng 01m, bên trong có 01 con chim chích chòe lửa rồi trèo ra ngoài mang về nhà cất giấu. Sau đó, T tiếp tục quay lại và đột nhập vào nhà ông T2 lấy 02 lồng chim, bên trong có 02 con chim cu gáy rồi mang về nhà cất giấu. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T mang lồng chim gỗ cao khoảng 01m, bên trong có 01 con chim chích chòe lửa đến nhà ông Trần Văn T3 bán con chim cùng lồng với giá 200.000 đồng. Sáng ngày 18/02/2026, T đi bộ cầm theo 02 lồng chim, bên trong mỗi lồng có 01 con chim cu gáy tìm chỗ bán, khi đang đi trên đường ĐT743A thuộc khu phố Đông Tân, phường Dĩ An thì Tân bị ông Đặng Minh T2 phát hiện giữ lại rồi trình báo cho Công an phường Dĩ An đưa T về trụ sở làm việc. Công an phường Dĩ An chuyển giao cho Công an phường Tân Đông Hiệp.

Quá trình điều tra, bị cáo còn khai nhận vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 11/02/2026, T đi bộ từ nhà T đến khu vực khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh để tìm tài sản chiếm đoạt. Khi đi ngang qua vỉa hè kiềng Vũ Trang tại địa chỉ Số 610/7 đường Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh thì T thấy vợ chồng ông Nguyễn Hồng Đ đang nằm ngủ trên tấm ván trước vỉa hè kiềng, trên gối ngủ có để 02 chiếc điện thoại di động đi về nhà. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, T lấy 02 chiếc điện thoại ra kiểm tra thì biết 01 chiếc hiệu Samsung A11 màu đen (không cài mật khẩu màn hình) và 01 chiếc hiệu Redmi 8 đi bộ đến cửa hàng Phúc Hưng Apple 79, địa chỉ: Số 26, đường Đ, khu phố Đ bán cho ông Nguyễn Phúc H với giá 150.000 đồng; còn chiếc điện

thoại Samsung A11 màu đen do không cài mật khẩu màn hình nên T giữ lại để sử dụng.

Vật chứng thu giữ: 01 lồng chim bằng gỗ cao khoảng 01 mét và 01 con chim chích chòe lửa màu đen đỏ (thu của ông Trần Văn T3); 01 lồng chim cu bằng kim loại cao khoảng 40cm (thu của T); 01 lồng chim cu bằng gỗ đan mây cao khoảng 40cm (thu của T); 01 con chim cu, lông bông màu nâu đen, có lông trắng dưới cổ (thu của T); 01 con chim cu màu xám nâu (thu của T); 01 ĐTDĐ Samsung Galaxy A11 màu đen (thu của T); 01 ĐTDĐ hiệu Redmi 8 màu đen (thu của ông Nguyễn Phúc H).

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐGDTTS ngày 26/02/2026 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân phường Tân Đông Hiệp, kết luận: 01 lồng chim bằng gỗ cao khoảng 1m có giá trị 250.000 đồng; 01 lồng chim cu bằng kim loại cao khoảng 40cm có giá trị 100.000 đồng; 01 lồng chim cu bằng gỗ đan mây cao khoảng 40cm có giá trị 110.000 đồng; 01 con chim chích chòe lửa màu đen đỏ có giá trị 830.000 đồng; 01 con chim cu lông bông màu nâu đen, có lông trắng dưới cổ có giá trị 500.000 đồng; 01 con chim cu màu xám nâu có giá trị 430.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A11 màu đen mua năm 2021 có giá trị 310.000 đồng; 01 điện thoại di động Redmi 8 màu đen mua năm 2020 có giá 410.000 đồng.

Như vậy, tổng trị giá tài sản mà T chiếm đoạt ngày 14/02/2026 là 2.220.000 đồng.

Đối với 02 điện thoại di động bị cáo T chiếm đoạt ngày 11/02/2026 là: 720.000 đồng.

Đối với ông Nguyễn Phúc H mua 01 điện thoại hiệu Redmi 8 của T với giá 150.000 đồng và ông Trần Văn T3 mua lồng chim gỗ cao khoảng 01 mét bên trong có 01 con chim chích chòe lửa giá 200.000 đồng của T, ông H và ông T3 không biết T bán tài sản do chiếm đoạt mà có nên không xem xét xử lý.

Tại Cáo trạng số 139/CT-VKS-KV16 ngày 27 tháng 6 năm 2026, Viện Kiểm sát Nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát thay đổi 01 phần nội dung Cáo trạng, cụ thể: Đối với hành vi Trộm cắp tài sản là 02 chiếc điện thoại di động Redmi 8 màu đen và Samsung Galaxy A11 màu đen vào ngày 11/02/2026 có tổng giá trị 720.000 đồng, không đủ định lượng để khởi tố tội Trộm cắp tài sản do đó đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo T vào ngày 11/02/2026. Đối với hành vi trộm cắp tài sản ngày 14/02/2026, trong phần tranh luận đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2

Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T với mức án tù 07 (bảy) tháng tù đến 10 (mười) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Đối với 01 lồng chim bằng gỗ cao khoảng 1m; 01 lồng chim cu bằng kim loại cao khoảng 40cm; 01 lồng chim cu bằng gỗ đan mây; 01 con chim chích chòe lửa màu đen đỏ; 01 con chim cu bông màu nâu đen, có lông trắng dưới cổ; 01 con chim cu màu xám nâu đã trả lại cho ông Đặng Minh T2; Đối với 01 điện thoại di động Redmi 8 màu đen đã trả lại cho ông Nguyễn Hồng Đ; Đối với 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A11 màu đen đã trả lại cho bà Phạm Thị Thu T4.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Đặng Minh T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng Đ và bà Phạm Thị Thu T4 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, ông Trần Văn T3 và ông Nguyễn Phúc H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bị cáo không tranh luận, trong lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 14/02/2026, tại địa chỉ: Số 105, đường Đ, khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Nguyễn Văn T lén lút chiếm đoạt của ông Đặng Minh T2 03 con chim và 03 lồng chim có tổng giá trị 2.220.000 đồng (theo Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐGDTS ngày 26/02/2026 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân phường Tân Đông Hiệp). Hành vi của bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá 2.220.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì

vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo với tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T mặc dù ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại nơi xảy ra vụ án, gây tâm lý hoang mang cho người dân tại địa phương. Về nhận thức, bị cáo nhận rõ hành vi lấn lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì tham lam, tư lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả xảy ra. Vì vậy, để có tác dụng tuyên truyền, giáo dục ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo T có nhân thân xấu thể hiện việc bị cáo đã từng bị xét xử, lần phạm tội này của bị cáo thể hiện sự không hướng thiện của bản thân cũng như việc chấp hành pháp luật nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên áp dụng phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Đặng Minh T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng Đ và bà Phạm Thị Thu T4 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, ông Trần Văn T3 và ông Nguyễn Phúc H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 lồng chim bằng gỗ cao khoảng 1m; 01 lồng chim cu bằng kim loại cao khoảng 40cm; 01 lồng chim cu bằng gỗ đan mây; 01 con chim chích chòe lửa màu đen đỏ; 01 con chim cu bông màu nâu đen, có lông trắng dưới cổ; 01 con chim cu màu xám nâu đã trả lại cho ông Đặng Minh T2; Đối với 01 điện thoại di động Redmi 8 màu đen đã trả lại cho ông Nguyễn Hồng Đ; Đối với 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A11 màu đen đã trả lại cho bà Phạm Thị Thu T4 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[10] Đối với ông Nguyễn Phúc H mua 01 điện thoại hiệu Redmi 8 của Tân với giá 150.000 đồng và ông Trần Văn T3 mua lồng chim gỗ cao khoảng 01 mét bên trong có 01 con chim chích chòe lửa giá 200.000 đồng của bị cáo T, ông H và ông T3 không biết T bán tài sản do chiếm đoạt mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét xử lý hình sự đối với ông H và ông T3 là có căn cứ.

[11] Ngày 11/02/2026, T thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc hiệu Samsung A11 màu đen và 01 chiếc hiệu Redmi 8 tại vừa kiếng Vũ Trang tại địa chỉ Số 610/7 đường Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Hồng Đ và bà Phạm Thị Thu T4. Theo Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐGDTS ngày 26/02/2026 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân phường Tân Đông Hiệp) giá trị tài sản chiếm đoạt là 720.000 đồng, không đủ định lượng để khởi tố tội Trộm cắp tài sản do đó đại diện Viện kiểm sát đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo T vào ngày 11/02/2026 là phù hợp.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 (tám) tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/3/2026.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát Nhân dân Khu vực 16, TPHCM;
- Phòng THADS Khu vực 16, TPHCM;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã, phường bị cáo thường trú;
- UBND xã, phường (nơi phát hiện tội phạm);
- Phòng PV 06 Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phân trại tạm giam Lái Thiêu (Cơ sở Dĩ An);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng